

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYỀN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

SỞ TƯ PHÁP T. TUYỀN QUANG SỐ 31/2014/QĐ-UBND
Ngày 12-01-2015
CÔNG VĂN ĐẾN SỐ: 70

Tuyên Quang, ngày 26 tháng 12 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 09/2013/TT-BTP ngày 15 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tư pháp Quy định chi tiết thi hành Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 124/TTr-STP ngày 19 tháng 11 năm 2014 về việc ban hành Quy chế rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 01 năm 2015.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu QH tỉnh;
- Cục KTVB, Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy và các Ban Đảng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh; các Ban của HĐND tỉnh;
- Như Điều 2 (thực hiện);
- Các phó CVPUBND tỉnh;
- Báo TQ, Đài PTTH tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Các phòng khối NCTH;
- Lưu: VT, NC (P.Hà).

báo cáo

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Chầu Văn Lâm

QUY CHẾ

**Rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật
của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp
trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 31/2014/QĐ-UBND
ngày 26 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh Tuyên Quang)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về cơ quan đầu mối chủ trì rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật (sau đây gọi chung là văn bản) của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; thời hạn rà soát văn bản; phân công trách nhiệm chủ trì rà soát văn bản trong trường hợp điều chỉnh địa giới hành chính; trách nhiệm của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp rà soát, hệ thống hóa văn bản; trách nhiệm của Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trong công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản; điều kiện đảm bảo cho công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND các cấp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

Những nội dung liên quan đến rà soát, hệ thống hóa văn bản không được quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo quy định của Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật (sau đây viết tắt là Nghị định số 16/2013/NĐ-CP); Thông tư số 09/2013/TT-BTP ngày 15 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tư pháp Quy định chi tiết thi hành Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật (sau đây viết tắt là Thông tư số 09/2013/TT-BTP) và các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Cơ quan đầu mối chủ trì rà soát, hệ thống hóa văn bản

1. Sở Tư pháp là cơ quan đầu mối chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện việc rà soát, hệ thống hóa văn bản do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành thuộc phạm vi quản lý nhà nước về tư pháp; rà soát, hệ thống hóa văn bản theo chuyên đề, lĩnh vực liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực theo chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Trưởng phòng pháp chế hoặc người đứng đầu đơn vị được giao thực hiện công tác pháp chế ở cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh là đầu mối chủ trì, phối hợp với các phòng, đơn vị có liên quan giúp Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan, gồm:

a) Văn bản do cơ quan đã chủ trì soạn thảo, trình ban hành;

b) Văn bản do cơ quan đã phối hợp soạn thảo, trình ban hành;

c) Văn bản do cơ quan chuyên môn khác soạn thảo, trình ban hành có nội dung liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước của cơ quan.

3. Phòng Tư pháp huyện, thành phố là cơ quan đầu mối chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp thực hiện việc rà soát, hệ thống hóa văn bản do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố ban hành thuộc phạm vi quản lý nhà nước về tư pháp; rà soát, hệ thống hóa văn bản theo chuyên đề, lĩnh vực liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực theo chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố.

Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố chủ trì thực hiện việc rà soát, hệ thống hóa văn bản do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ban hành thuộc phạm vi quản lý quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản 2 Điều này.

4. Công chức Tư pháp-Hộ tịch xã, phường, thị trấn là đầu mối chủ trì, phối hợp với công chức chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn ban hành.

Điều 5. Thời hạn rà soát văn bản

1. Rà soát văn bản thường xuyên

Chậm nhất sau 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản là căn cứ pháp lý để rà soát theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 16/2013/NĐ-CP và Điều 3 Thông tư số 09/2013/TT-BTP, Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố (sau đây viết tắt là thủ trưởng cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện), Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn có trách nhiệm phân công cán bộ rà soát văn bản.

Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày được phân công rà soát văn bản cán bộ phải hoàn thành việc rà soát văn bản. Trường hợp văn bản được rà soát có nội dung phức tạp, liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực thì thời hạn rà soát là 15 (mười lăm) ngày làm việc.

2. Rà soát theo chuyên đề, lĩnh vực; rà soát khi tình hình phát triển kinh tế-xã hội của địa phương thay đổi

Thời gian rà soát văn bản theo chuyên đề, lĩnh vực; rà soát khi tình hình phát triển kinh tế-xã hội của địa phương thay đổi thực hiện theo chỉ đạo của cơ quan hoặc người có thẩm quyền cấp trên hoặc theo kế hoạch rà soát do Ủy ban nhân dân ban hành.

Điều 6. Rà soát, hệ thống hóa văn bản trong trường hợp điều chỉnh địa giới hành chính

1. Trong trường hợp một đơn vị hành chính được chia thành các đơn vị hành chính mới thì Sở Tư pháp (đối với đơn vị hành chính cấp tỉnh), Phòng Tư pháp (đối với đơn vị hành chính cấp huyện) hoặc công chức Tư pháp-Hộ tịch (đối với đơn vị hành chính cấp xã) thuộc đơn vị hành chính mới có trách nhiệm xây dựng kế hoạch rà soát văn bản do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính trước khi chia ban hành trình Ủy ban nhân dân cùng cấp phê duyệt để thực hiện.

2. Trong trường hợp nhiều đơn vị hành chính được sáp nhập thành một đơn vị hành chính mới thì Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp hoặc công chức Tư pháp-Hộ tịch thuộc đơn vị hành chính mới có trách nhiệm xây dựng kế hoạch rà soát văn bản do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính trước khi sáp nhập ban hành trình Ủy ban nhân dân cùng cấp phê duyệt để thực hiện.

3. Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, công chức Tư pháp-Hộ tịch cấp xã thuộc đơn vị hành chính mới chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với cơ quan chuyên môn hoặc công chức cùng cấp thực hiện kế hoạch rà soát văn bản do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân trước khi chia hoặc trước khi sáp nhập ban hành đã được Ủy ban nhân dân cùng cấp phê duyệt.

Điều 7. Trách nhiệm của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp rà soát, hệ thống hóa văn bản

1. Trách nhiệm của cơ quan chủ trì

a) Xây dựng kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo quy định;

b) Tổ chức rà soát, hệ thống hóa văn bản theo đúng trình tự, thủ tục quy định;

c) Đề xuất hình thức xử lý đối với từng văn bản được rà soát;

d) Tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản của Sở Tư pháp (*đối với cơ quan chuyên môn cấp tỉnh*), Phòng Tư pháp (*đối với cơ quan chuyên môn cấp huyện*) về kết quả rà soát văn bản theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 09/2013/TT-BTP;

đ) Trình Ủy ban nhân dân kết quả rà soát văn bản do Hội đồng nhân dân, Ủy ban hành dân cùng cấp ban hành và chịu trách nhiệm về tính chính xác đối với kết quả rà soát văn bản. Thành phần hồ sơ kiến nghị xử lý văn bản được rà soát theo quy định tại khoản 4 Điều 14, khoản 4 Điều 17 Nghị định số 16/2013/NĐ-CP;

e) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

2. Trách nhiệm của cơ quan phối hợp

a) Cử công chức tham gia rà soát, hệ thống hóa văn bản theo kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản của Ủy ban nhân dân cùng cấp ban hành;

b) Tham gia ý kiến bằng văn bản về kết quả rà soát văn bản theo đề nghị của cơ quan chủ trì; chịu trách nhiệm cung cấp các thông tin, tài liệu cần thiết phục vụ cho việc rà soát văn bản liên quan đến phạm vi quản lý của ngành mình;

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 8. Xử lý kết quả rà soát văn bản

1. Cơ quan chủ trì rà soát văn bản có trách nhiệm tiếp thu ý kiến tham gia về kết quả rà soát của cơ quan tư pháp cùng cấp và các cơ quan có liên quan; trường hợp không tiếp thu ý kiến tham gia của cơ quan tư pháp về kết quả rà soát thì phải giải trình về cơ sở pháp lý không tiếp thu.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố (*sau đây gọi chung là Văn phòng*) có trách nhiệm tiếp nhận và thẩm định hồ sơ kiến nghị xử lý văn bản do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp ban hành được rà soát và xử lý như sau:

a) Trường hợp hồ sơ trình đầy đủ, đúng quy định, cơ quan chủ trì rà soát và cơ quan tư pháp thống nhất ý kiến về kết quả rà soát văn bản, lãnh đạo Văn phòng được giao phụ trách lĩnh vực trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân phê duyệt kết quả rà soát;

b) Trường hợp hồ sơ trình không đầy đủ, chưa có ý kiến giải trình về cơ sở pháp lý không tiếp thu ý kiến tham gia của cơ quan tư pháp, Văn phòng có văn bản yêu cầu cơ quan chủ trì rà soát văn bản bổ sung.

c) Trường hợp thẩm định hồ sơ trình phát hiện có sự không thống nhất ý kiến về kết quả rà soát giữa cơ quan chủ trì rà soát với cơ quan tư pháp, Văn phòng có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân tổ chức họp để thống nhất kết quả rà soát. Cuộc họp do Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phụ trách lĩnh vực chủ trì cuộc họp; các thành phần dự họp gồm có: Thủ trưởng cơ quan chuyên môn chủ trì rà soát văn bản; Giám đốc Sở Tư pháp (*đối với cấp tỉnh*), Trưởng phòng Tư pháp (*đối với cấp huyện*); thủ trưởng các cơ quan chuyên môn cùng cấp có liên quan; công chức trực tiếp rà soát văn bản và các thành phần khác do người chủ trì quyết định.

3. Trường hợp có ý kiến khác nhau về hình thức xử lý văn bản, nếu văn bản được rà soát tại thời điểm ban hành phù hợp với văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên và tình hình kinh tế-xã hội của địa phương, nhưng tại thời điểm rà soát có một phần hoặc toàn bộ nội dung không phù hợp với văn bản là căn cứ pháp lý để rà soát thì phải được xử lý theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 16/2013/NĐ-CP.

Điều 9. Cơ sở dữ liệu rà soát, hệ thống hóa văn bản

1. Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp có trách nhiệm xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu rà soát, hệ thống hóa văn bản do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp ban hành theo quy định tại Điều 35 Nghị định số 16/2013/NĐ-CP và Điều 21 Thông tư số 09/2013/TT-BTP.

Cơ sở dữ liệu rà soát, hệ thống hóa văn bản của tỉnh được kết nối với trang Cơ sở dữ liệu văn bản pháp luật tỉnh Tuyên Quang, địa chỉ: <http://vbpl.vn/tuyenquang> thuộc Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật do Bộ tư pháp quản lý, địa chỉ: <http://vbpl.vn>.

2. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố có trách nhiệm thường xuyên cung cấp các văn bản, tài liệu quy định tại khoản 1 Điều 35 Nghị định số 16/2013/NĐ-CP và khoản 1 Điều 21 Thông tư số 09/2013/TT-BTP cho cơ quan tư pháp cùng cấp để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu rà soát, hệ thống hóa văn bản quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 10. Tổ chức, biên chế làm công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản

1. Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp bố trí công chức chuyên trách làm công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản.

2. Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí công chức pháp chế chuyên trách làm đầu mối chủ trì, phối hợp thực hiện công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản thuộc phạm vi quản lý.

Điều 11. Kinh phí bảo đảm cho công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản

Kinh phí bảo đảm cho công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản, tổng rà soát, hệ thống hóa văn bản, rà soát văn bản theo chuyên đề, lĩnh vực, địa bàn thuộc cấp nào do ngân sách nhà nước cấp đó bảo đảm theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 16/2013/NĐ-CP.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Giám đốc Sở Tư pháp có trách nhiệm giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 30 Nghị định số 16/2013/NĐ-CP và Quy chế này.

2. Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm thực hiện công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản thuộc phạm vi quản lý theo Quy chế này và các quy định của pháp luật hiện hành.

3. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố có trách nhiệm:

a) Tổ chức chỉ đạo thực hiện quy định tại Điều 30 Nghị định số 16/2013/NĐ-CP và Quy chế này.

b) Chỉ đạo công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản đối với Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn thuộc phạm vi quản lý.

4. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn có trách nhiệm chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản do Hội đồng nhân dân cùng cấp và Ủy ban nhân dân cấp mình ban hành theo Quy chế này và quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 13. Chế độ báo cáo hàng năm:

Chế độ báo cáo hàng năm về công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản của các cơ quan, đơn vị thực hiện theo Nghị định số 16/2013/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư số 09/2013/TT-BTP của Bộ Tư pháp và các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Khen thưởng, xử lý vi phạm

Các cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức được giao thực hiện nhiệm vụ rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật hoàn thành tốt nhiệm vụ thì được khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng; nếu vi phạm hoặc không thực hiện đầy đủ trách nhiệm thì bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 15. Điều khoản thi hành

1. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn có trách nhiệm phổ biến Quy chế này tới cán bộ, công chức thuộc phạm vi quản lý để thực hiện.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Tư pháp để được hướng dẫn theo thẩm quyền hoặc tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Chầu Văn Lâm